TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2023
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

Bà: Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Hồng C, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ngô Văn L**,** sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2023, nguyên đơn Phan Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn L kết hôn với nhau vào năm 1994 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay bà C yêu cầu được ly hôn với Ngô Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung hiện nay cháu Ngô Thanh N hơn 18 tuổi trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết, còn cháu Ngô Thiện N1, sinh ngày 15/8/2006 hiện tôi nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi cháu Thiện N1, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn L Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử, qua thủ tục niêm yết nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có nơi trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phan Hồng C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Ngô Văn L, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Chẳng là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà Chẳng là nguyên đơn, ông L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà C, ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng C1 và ông Ngô Văn L kết hôn năm 1994, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C1 và ông L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; Bà C1 và ông L đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà C1 và ông L đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà C1 được ly hôn với ông L.

[3] *Về con chung:* Bà C1 và ông L tạo 02 con chung, cháu Ngô Thanh N trên 18 tuổi đã trưởng thành; cháu Ngô Thiện N1, sinh ngày 15/8/2006 hiện bà C1 nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi cháu Thiện N1, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét, con chung tên cháu Ngô Thiện N1, sinh ngày 15/8/2006 sống chung với bà C1 hiện đang đi học nên gần gũi với bà C1, nguyện vọng của cháu N1 muốn sống với bà C1 được ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu cháu Ngô Thiện N1, sinh ngày 15/8/2006, cho bà C1 trực tiếp nuôi dưỡng; Bà C1 không yêu

cầu ông L cấp dưỡng, nên không xem xét. Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà C1 và ông L có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà C1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Hồng C được ly hôn với ông Ngô Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Ngô Thiện N1, sinh ngày 15/8/2006 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà Phan Hồng C phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 11/01/2023 bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006027 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy